

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tâm.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thúy Hảo -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-7-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Lực trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Trần Thị Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 20-3-1980 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau này thấy cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn hoà hợp, tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông và bà Q đã sống ly thân từ năm

2017 đến nay. Ông L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Q không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông L và bà Q có 04 con chung là Trần Thị Q, sinh năm 1981, Trần Văn Q, sinh năm 1983, Trần Văn B, sinh năm 1986 (đã chết năm 2009) và Trần Thị T, sinh năm 1988. Các con đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02-11-2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30-5-2023, bị đơn bà Trần Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Bà Q thống nhất với lời khai của ông L về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông L yêu cầu ly hôn thì bà Q đồng ý.

Về con chung: Bà Q và ông L có 04 người con chung đúng như trình bày của ông L. Các con đã trưởng thành nên bà Q cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điều 56,57 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L. Ông Trần Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Q. Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nhận định:

[1] Về tố tụng:

Các đương sự đều cư trú tại phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác

định đây là vụ án “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho bị đơn bà Q để tham gia các phiên hòa giải, phiên họp nhưng bà Q không có mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà Trần Thị Q là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 20-3-1980 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay ông L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn. Trước yêu cầu ly hôn của ông L thì bà Q đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông L và bà Q có 04 con chung là Trần Thị Q, sinh năm 1981, Trần Văn Q, sinh năm 1983, Trần Văn B, sinh năm 1986 (đã chết năm 2009) và Trần Thị T, sinh năm 1988. Các con đã trên 18 tuổi, ông L và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Ông L và bà Q không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn L là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông L và bà Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn ngày 20-3-1980 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, thành phố Hà Nội cấp cho ông Trần Văn L và bà Trần Thị Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: ông Trần Văn L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006416 ngày 20-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP Gia Nghĩa;
- UBND xã V, huyện M, thành phố Hà Nội (đăng ký ngày 20-3-1980);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Huế